# PHỤ BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026 PHƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

*(Kèm theo Công văn số 308/TTr-KT ngày 23/11/2026 của Phòng Kinh tế phường)*

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | KH phát triển KTXH của phường (theo QĐ số 477/QĐ-UBND ngày 13/3/2026 của UBND phường) | Nội dung điều chỉnh | Lý do điều chỉnh | Đơn vị chủ trì |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Các chỉ tiêu về Kinh tế** | | | | | |
| 1 | Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm | % | ≥ 11 | 10,5 | Phụ lục II kèm theo QĐ số 2696/QĐ-UBND ngày 21/8/2026 của UBND tỉnh | Phòng Kinh tế |
| 2 | Thu nhập bình quân đầu người | Triệu đồng /người/năm | ≥ 120 | 95,6 | Phụ lục kèm theo QĐ số 3642/QĐ-UBND ngày 14/11/2026 của UBND tỉnh | |
| **II** | **Các chỉ tiêu về Y tế** | | | | | |
| 3 | Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế | % | 96 | 96,22 | Phụ lục III kèm theo QĐ số 2696/QĐ-UBND ngày 21/8/2026 của UBND tỉnh | Phòng Văn hóa - Xã hội |
| 4 | Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hàng năm | % | | 100 | Phụ lục III kèm theo QĐ số 2696/QĐ-UBND ngày 21/8/2026 của UBND tỉnh | |
| **III** | ***Các chỉ tiêu về Văn hóa - Giáo dục*** | | | | | |
| 5 | Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia | % | 92 | 29 | Theo đề nghị của phòng Văn hóa - Xã hội tại Tờ trình số 616/TTr-UBND ngày 17/11/2026 (Sau sắp xếp lại các cơ sở giáo dục từ ngày 01/9/2026, một số trường sau khi hợp nhất lại chưa bảo đảm các tiêu chuẩn, tiêu chí theo Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT) | Phòng Văn hóa - Xã hội |
| **IV** | ***Các chỉ tiêu về Xây dựng - Công nghiệp*** | | | | | |

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | KH phát triển KTXH của phường (theo QĐ số 477/QĐ-UBND ngày 13/3/2026 của UBND phường) | Nội dung điều chỉnh | Lý do điều chỉnh | Đơn vị chủ trì |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải trên tổng công suất theo quy hoạch của từng đô thị | % | 33 | Không tiếp tục đưa vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội | Theo đề nghị của phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 743/XDNN&MT ngày 18/11/2026 (Kết quả thực hiện chỉ tiêu này phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn và tiến độ đầu tư, vận hành của các chủ đầu tư, vượt quá thẩm quyền trực tiếp của UBND phường. Hiện nay một số cơ sở, dự án có quy mô xả thải lớn trên địa bàn chưa hoàn thiện hoặc chưa vận hành hết công suất theo quy hoạch, cụ thể:<br>+ Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên: Công suất dự kiến 2.000 m3/ngđ nhưng mới vận hành 800 m3/ngđ, chưa xây dựng và vận hành hết công suất; công trình do Bệnh viện tự quyết định đầu tư và vận hành.<br>+ Dự án Quy hoạch chi tiết tổ 39-40 (công suất 3.600 m3/ngđ): Đang trong quá trình triển khai, chưa thực hiện xây dựng trạm xử lý.<br>+ Khu Tái định cư tổ 61 (công suất 120 m3/ngđ): Đang triển khai, chưa hoàn thiện cơ sở hạ tầng) | Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường |
| 7 | Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng sử dụng năng lượng xanh | % | 38 | Không tiếp tục giao chỉ tiêu này cho cấp xã | Theo tiết 4, khoản II, Điều 1 của QĐ số 3603/QĐ-UBND ngày 09/11/2026 của UBND tỉnh | |
| **V** | ***Các chỉ tiêu về Quốc phòng - An ninh*** | | | | | |

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | KH phát triển KTXH của phường (theo QĐ số 477/QĐ-UBND ngày 13/3/2026 của UBND phường) | Nội dung điều chỉnh | Lý do điều chỉnh | Đơn vị chủ trì |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Tỷ lệ giảm tai nạn giao thông trên 3 tiêu chí hằng năm (số vụ, số người chết, số người bị thương) | % | | 5 | Phụ lục IV kèm theo QĐ số 2696/QĐ-UBND ngày 21/8/2026 của UBND tỉnh | Công an phường |
| 9 | Tỷ lệ giảm số vụ cháy cấp III và không để xảy ra vụ cháy đặc biệt nghiêm trọng cấp V hằng năm | % | | 5 | | |